

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN
TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG 4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012



MỤC LỤC

Nội dung	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	02
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	03
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	04 - 05
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	06
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	07 -08
Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất	09 - 24

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Xây dựng Công trình Giao thông 4 (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012.

Hội đồng thành viên và Ban Tổng Giám đốc

Các thành viên của Hội đồng Thành viên và Ban Tổng Giám đốc gồm:

Ông Nguyễn Quang Vinh	Chủ tịch
Ông Lê Ngọc Hoa	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Vĩnh Lộc	Kế toán trưởng

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Tổng Công ty trong năm. Trong việc lập các Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Tổng Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty xác nhận đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Hà Nội, ngày 31 tháng 05 năm 2013

TM. Ban Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc



Lê Ngọc Hoa



Số: *72* /2013/ATC-KTTC

Hà Nội, ngày 01 tháng 06 năm 2013

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Về báo cáo tài chính hợp nhất năm 2012 của
Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Xây dựng Công trình Giao thông 4

**Kính gửi: Hội đồng thành viên và Ban Tổng Giám đốc
Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Xây dựng Công trình Giao thông 4**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Xây dựng Công trình Giao thông 4 từ trang 04 đến trang 25 được lập ngày 31/05/2013, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2012, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, và Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc và Kiểm toán viên

Như đã trình bày trong Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc tại trang 2, việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất này căn cứ vào kết quả của cuộc kiểm toán.

Cơ sở của ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính hợp nhất không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong báo cáo tài chính hợp nhất; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Tổng Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát các báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Xây dựng Công trình Giao thông 4 tại ngày 31/12/2012, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan tại Việt Nam.

Không phủ nhận ý kiến kiểm toán nêu trên, chúng tôi chỉ lưu ý người đọc báo cáo tài chính hợp nhất này rằng, báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Xây dựng Công trình Giao thông 4 tại ngày 31/12/2012 được lập trên cơ sở báo cáo tài chính của các Công ty con đã kiểm toán và một số Công ty con tự lập theo như thuyết minh về Cơ sở hợp nhất trong mục IV phần Thuyết minh báo cáo tài chính, đồng thời Báo cáo tài chính này chưa loại trừ công nợ nội bộ trong Tổng Công ty.

Báo cáo này phát hành thay thế cho báo cáo kiểm toán số 68/2013/ATC-KTTC ngày 29/04/2013.



Lê Thành Công
Tổng Giám đốc

Chứng chỉ KTV số: 0498/KTV

Thay mặt và đại diện

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN - TƯ VẤN THUẾ (ATC)

Phan Thanh Quân
Kiểm toán viên

Chứng chỉ KTV số: 1974/KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

MẪU SỐ B 01-DN/HN

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	TM	31/12/2012	01/01/2012
			VND	VND
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110+120+130+140+150)	100		2.391.312.402.357	1.976.843.430.270
I- Tiền và các khoản tương đương tiền	110		221.336.596.894	105.244.161.812
1. Tiền	111	V.01	221.336.596.894	105.244.161.812
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II- Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		183.480.000.000	45.530.000.000
1. Đầu tư ngắn hạn	121	V.02	183.480.000.000	45.530.000.000
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (*)	129		-	-
III- Các khoản phải thu ngắn hạn	130		1.202.933.712.781	910.678.338.042
1. Phải thu khách hàng	131		793.398.988.913	513.545.809.092
2. Trả trước cho người bán	132		229.828.796.544	266.095.747.833
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	1.196.649.863
4. Các khoản phải thu khác	135	V.03	186.345.824.690	136.092.486.852
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	139		(6.639.897.366)	(6.252.355.598)
IV- Hàng tồn kho	140		729.897.779.154	846.468.408.545
1. Hàng tồn kho	141	V.04	729.897.779.154	846.468.408.545
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
V- Tài sản ngắn hạn khác	150		53.664.313.528	68.922.521.871
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		12.516.129.712	15.251.779.064
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		85.050.574	4.596.709.455
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		191.968.400	1.472.399.690
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		40.871.164.842	47.601.633.662
B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210+220+240+250+260)	200		1.066.986.838.927	981.421.460.786
II Tài sản cố định	220		912.429.535.742	874.384.604.815
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.05	781.434.398.357	798.310.694.615
- Nguyên giá	222		1.522.580.437.330	1.475.394.940.850
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(741.146.038.973)	(677.084.246.235)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.06	6.658.960.426	6.588.960.426
- Nguyên giá	228		7.647.787.942	7.577.787.942
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(988.827.516)	(988.827.516)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.07	124.336.176.959	69.484.949.774
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	V.08	75.089.455.500	35.475.652.000
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		76.331.153.000	65.855.111.000
3. Đầu tư dài hạn khác	258		4.143.761.000	2.958.251.000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)	259		(5.385.458.500)	(33.337.710.000)
V. Tài sản dài hạn khác	260		79.467.847.685	70.763.693.971
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.09	79.052.925.932	70.357.992.397
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		213.486.643	213.486.643
2. Tài sản dài hạn khác	268		201.435.110	192.214.931
VI. Lợi thế thương mại	269		-	797.510.000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)	270		3.458.299.241.284	2.958.264.891.056

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

MÃ SỐ B 01-DN/HN
Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	TM	31/12/2012	01/01/2012
			VND	VND
A- NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310+330)	300		3.040.597.611.228	2.641.935.135.205
I- Nợ ngắn hạn	310		2.232.088.273.812	1.859.110.002.308
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.10	705.491.590.169	690.542.316.291
2. Phải trả người bán	312		490.737.038.133	456.014.146.212
3. Người mua trả tiền trước	313		710.082.723.036	553.244.486.791
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.11	81.041.792.757	38.131.792.273
5. Phải trả người lao động	315		108.307.067.984	69.064.430.302
6. Chi phí phải trả	316		3.728.689.807	7.876.748.666
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.12	113.919.424.445	34.376.475.468
9. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	4.854.595.885
10. Quỹ khen thưởng phúc lợi	323		18.779.947.481	5.005.010.420
II- Nợ dài hạn	330		808.509.337.416	782.825.132.897
1. Phải trả dài hạn người bán	331		465.074.572.218	337.502.018.033
3. Phải trả dài hạn khác	333	V.13	14.459.444.089	23.669.178.639
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.14	309.060.097.469	371.487.014.747
5. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	4.113.946.658
6. Dự phòng phải trả dài hạn	337		9.108.370.271	35.271.144.177
7. Doanh thu chưa thực hiện	338		10.806.853.369	10.781.830.643
B- VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410+430)	400		319.368.265.973	210.781.943.805
I- Vốn chủ sở hữu	410	V.15	319.368.265.973	210.781.943.805
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		233.593.790.861	170.599.567.207
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		4.402.345.104	4.819.356.375
4. Cổ phiếu quỹ (*)	414		(125.518.165)	(125.518.165)
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	3.273.329
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		47.679.718.376	15.827.578.455
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		20.212.973.038	11.910.447.719
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		564.935.155	467.572.995
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		13.040.021.604	5.098.271.070
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ, sắp xếp doanh nghiệp	422		-	2.181.394.820
C- LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	439		98.333.364.083	105.547.812.046
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400+439)			3.458.299.241.284	2.958.264.891.056

Hà Nội, ngày 31 tháng 05 năm 2013

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Trần Thị Thu Hà

Nguyễn Vinh Lộc

Lê Ngọc Hoa



BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

MẪU SỐ B 02-DN/HN
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2012	Năm 2011
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	V.16	5.180.401.331.482	3.085.805.275.606
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		45.537.947	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10		5.180.355.793.535	3.085.805.275.606
4. Giá vốn hàng bán	11	V.17	4.714.781.167.050	2.755.736.869.930
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		465.574.626.485	330.068.405.676
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	V.18	50.473.723.561	56.064.474.682
7. Chi phí tài chính	22	V.19	206.927.910.395	191.807.216.364
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		140.128.488.649	130.586.866.387
8. Chi phí bán hàng	24		1.094.855.212	2.169.962.554
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		235.015.344.939	152.389.216.471
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)-(24+25)}	30		73.010.239.500	39.766.484.969
11. Thu nhập khác	31	V.20	90.833.330.699	21.135.427.063
12. Chi phí khác	32		26.124.313.140	10.031.735.186
13. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40		64.709.017.559	11.103.691.877
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế = 30+40	50		137.719.257.059	50.870.176.846
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	V.21	31.051.595.528	9.064.115.374
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	478.291.300
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)	60		106.667.661.531	41.327.770.172
Lợi nhuận thuộc về cổ đông thiểu số	61		14.075.713.854	14.219.387.061
Lợi nhuận của các cổ đông công ty mẹ	62		92.591.947.677	29.357.269.022

Hà Nội, ngày 31 tháng 05 năm 2013

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Trần Thị Thu Hà



Nguyễn Vinh Lộc



Lê Ngọc Hoa

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
(Theo phương pháp trực tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

MÃ SỐ B 03-DN/HN
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU A	Mã số B	TM C	Năm 2012	Năm 2011
			VND	VND
			(1)	(2)
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	1		5.404.443.492.908	2.932.398.616.575
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	2		(4.174.338.560.251)	(2.270.102.436.755)
3. Tiền chi trả cho người lao động	3		(323.700.026.967)	(242.330.774.233)
4. Tiền chi trả lãi vay	4		(157.061.246.837)	(169.702.896.895)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	5		(4.616.363.705)	(9.929.050.390)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	6		567.520.718.441	244.914.112.810
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	7		(1.083.814.987.842)	(526.777.047.574)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		228.433.025.747	(41.529.476.462)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(49.122.473.020)	(24.821.862.557)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		5.958.140.338	2.572.700.336
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(1.315.878.133.055)	(1.043.940.614.233)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		1.326.054.015.012	1.075.186.143.216
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(7.063.677.000)	(39.998.500.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	39.980.000.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		15.040.299.170	13.157.786.200
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(25.011.828.555)	22.135.652.962
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	22.470.655.000
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		1.588.240.128.193	667.560.760.109
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(1.660.671.606.046)	(660.099.096.991)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(14.897.284.257)	(19.078.766.800)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(87.328.762.110)	10.853.551.318
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		116.092.435.082	(8.540.272.182)

Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	105.244.161.812	113.784.433.994
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70 V.01	221.336.596.894	105.244.161.812

Hà Nội, ngày 31 tháng 05 năm 2013

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Trần Thị Thu Hà

Nguyễn Vĩnh Lộc

Lê Ngọc Hoa

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Xây dựng Công trình Giao thông 4 được thành lập theo Quyết định số 2900324850 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nghệ An cấp lần đầu ngày 05 tháng 11 năm 2010, đăng ký thay đổi lần thứ hai ngày 11 tháng 12 năm 2012 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Trụ sở chính của Tổng Công ty tại : Tầng 10-11, Tòa nhà ICON4, Số 243A đường Đê La Thành, Phường Láng Thượng, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội.

Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Tổng Công ty là kinh doanh thương mại; dịch vụ; sản xuất; xây dựng; xây lắp tổng hợp.

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh của Tổng công ty bao gồm:

- Xây dựng các công trình đường sắt, đường bộ;
- Xây dựng nhà các loại;
- Xây dựng các công trình hạ tầng cấp thoát nước;
- Chuẩn bị mặt bằng;
- Xây dựng các công trình điện chiếu sáng;
- Sản xuất, truyền tải và phân phối điện;
- Sản xuất xi măng;
- Sản xuất sắt, thép;
- Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng;
- Sản xuất các cấu kiện kim loại;
- Sửa chữa máy móc, thiết bị;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày;
- Nhà hàng và dịch vụ ăn uống;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Nuôi trồng thủy sản biển;
- Nuôi trồng thủy sản nội địa;
- Vận tải hành khách đường bộ nội thành, ngoại thành;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Trồng rừng và chăm sóc rừng;
- Hoạt động các trung tâm, đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm;
- Khai thác đá, cát, sỏi và đất sét;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác;
- Cung ứng và quản lý nguồn lao động;
- Đầu tư các công trình hạ tầng giao thông, nhà máy thủy điện loại nhỏ và kết cấu hạ tầng khác theo hình thức BOT, BT, BOO;
- Khảo sát, thiết kế công trình giao thông, dân dụng công nghiệp, thủy lợi, lâm nghiệp;
- Tư vấn đầu tư;
- Cho thuê văn phòng;
- Kinh doanh nhà hàng, khách sạn;
- Xây dựng các công trình công nghiệp, thủy lợi, lâm nghiệp;
- Thí nghiệm vật liệu xây dựng, kiểm định chất lượng công trình giao thông, công nghiệp, dân dụng;
- Đào tạo nghề ngắn hạn, hợp tác nghiên cứu, ứng dụng và chuyển giao công nghệ mới;
- Khai thác, chế biến lâm sản.
- Xây dựng nhà các loại, xây dựng công trình đường sắt và đường bộ, xây dựng các công trình dân dụng khác.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)
Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MÃU SỐ B 09-DN/HN

Các đơn vị phụ thuộc

Tên đơn vị phụ thuộc	Trụ sở chính
Công ty xây dựng công trình giao thông 422	Số 29 Quang Trung, TP. Vinh, Nghệ An
Công ty xây dựng công trình giao thông 499	Số 62-68, Đường 50 K9, Phường Tân Tạo, Tân Bình, Tp. Hồ Chí Minh
Chi nhánh Lâm Đồng	Xã Đa Chay, Huyện Lạc Dương, Tỉnh Lâm Đồng
Trung tâm dự án	Số 29, Quang Trung, Tp. Vinh, Nghệ An
Chi nhánh Hà Nội	Số 19, Ngõ 1043 Đường Giải Phóng, Thanh Xuân, Hà Nội
Chi nhánh BOT Trách Vinh	Số 2, Nguyễn Du, TP. Vinh, Nghệ An

Công ty con trực thuộc 100% vốn

Tên Công ty con trực thuộc	Trụ sở chính
Công ty TNHH MTV Quản lý và Xây dựng DB 474	Số 132 - Đường 26/3 Phường Đại Nài - Thành Phố Hà Tĩnh
Công ty TNHH MTV Quản lý và Xây dựng DB 483	Lý Thánh Tông, Lộc Ninh, Đồng Hới, Quảng Bình
Công ty TNHH MTV Quản lý và Xây dựng DB 495	Xóm 12, Đà Sơn, Thị trấn Đô Lương, tỉnh Nghệ An
Công ty TNHH MTV Quản lý và Xây dựng DB 496	56 Phan Đăng Lưu, Trường Thi, Vinh, Nghệ An

Các Công ty con

Tên công ty con	Trụ sở chính
Công ty cổ phần công trình giao thông 419	Số 01, Nguyễn Du, Tp. Vinh, Nghệ An
Công ty cổ phần 471	Số 9, Trần Nhật Duật, Tp. Vinh, Nghệ An
Công ty cổ phần xây dựng CTGT 479	Số 54, Nguyễn Du, Tp. Vinh, Nghệ An
Công ty cổ phần 482	Số 155, Trường Chinh, Tp. Vinh, Nghệ An
Công ty cổ phần xây dựng CTGT 492	Số 198, Trường Chinh, Tp. Vinh, Nghệ An

Các Công ty liên kết, liên doanh

Tên công ty liên kết, liên doanh	Trụ sở chính
Công ty TNHH BOT Yên Lệnh	Đường Chu Mạnh Chinh, P. Lam Sơn, TX Hưng Yên, Tỉnh Hưng Yên
Công ty CP ĐTPT&XDGT 208	Số 24, ngõ 55, Phố Lê Đại Hành, Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành, Q. Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội
Công ty Cổ phần xây dựng CTGT 228	Phòng 703-704 Toà nhà CT 4- Khu đô thị Mỹ Đình, Mễ Trì, Từ Liêm, Hà Nội
Công ty cổ phần xây dựng CTGT 246	Ngõ 199, Trung Kính, Trung Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội
Công ty cổ phần SXVL&XDCT 405	Đường Nguyễn Hữu Cảnh, Phường Hải Đình, Tp. Đồng Hới, Quảng Bình
Công ty cổ phần thương mại đầu tư và xây dựng 424	Số 2, Nguyễn Sỹ Sách, Phường Hưng Bình, Tp. Vinh, Nghệ An
Công ty Cổ phần tư vấn 497	Số 72, Nguyễn Sĩ Sách, Tp. Vinh, Nghệ An
Công ty Cổ phần 473	Số 7 Nguyễn Cảnh Hoan, Tp Vinh, Nghệ An
Công ty cổ phần xây dựng công trình 484	Số 152, Trường Chinh, Tp Vinh, Nghệ An
Công ty Cổ phần Xây dựng và Thương mại 423	Số 61 Nguyễn Trường Tộ, Vinh, Nghệ An
Công ty Cổ phần Xây dựng CTGT 475	Số 198B, Trường Chinh, Vinh, Nghệ An

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MÃU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ KỶ KẾ TOÁN

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Nguyên tắc lập báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty được lập tuân theo quy định của hệ thống Chuẩn mực kế toán Việt Nam gồm có:

- Chuẩn mực kế toán số 07: Kế toán các khoản đầu tư vào công ty liên kết;
- Chuẩn mực kế toán số 08: Thông tin tài chính về những khoản vốn góp liên doanh;
- Chuẩn mực kế toán số 10: Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái;
- Chuẩn mực kế toán số 11: Hợp nhất kinh doanh;
- Chuẩn mực kế toán số 21: Trình bày báo cáo tài chính;
- Chuẩn mực kế toán số 24: Báo cáo lưu chuyển tiền tệ;
- Chuẩn mực kế toán số 25: Báo cáo tài chính hợp nhất và kế toán các khoản đầu tư vào công ty con.

(Ban hành theo Quyết định 149/2001/QĐ-BTC ngày 31/12/2001, Quyết định 165/2002/QĐ-BTC ngày 31/12/2002 và Quyết định 234/2003/QĐ-BTC ngày 30/12/2003 của Bộ trưởng Bộ tài chính).

Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012 được lập dựa theo báo cáo tài chính sau:

- Báo cáo tài chính riêng của Công ty mẹ - Công ty TNHH một thành viên Tổng công ty Xây dựng Công trình Giao thông 4 cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn thuế (ATC).
- Báo cáo tài chính của Công ty cổ phần xây dựng công trình giao thông 419 cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán (AASC).
- Báo cáo tài chính của Công ty cổ phần 471 cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn thuế (ATC).
- Báo cáo tài chính của Công ty cổ phần xây dựng công trình giao thông 479 cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn tài chính Quốc tế (IFC)
- Báo cáo tài chính của Công ty cổ phần 482 cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán (AASC).
- Báo cáo tài chính của Công ty cổ phần 492 cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán (AASC).
- Báo cáo tài chính của Công ty TNHH MTV Quản lý và Xây dựng Đường bộ 474 cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012 do đơn vị tự lập.
- Báo cáo tài chính của Công ty TNHH MTV Quản lý và Xây dựng Đường bộ 488 cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012 do đơn vị tự lập.
- Báo cáo tài chính của Công ty TNHH MTV Quản lý và Xây dựng Đường bộ 495 cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012 do đơn vị tự lập.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

- Báo cáo tài chính của Công ty TNHH MTV Quản lý và Xây dựng Đường bộ 496 cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012 do đơn vị tự lập.

Kỳ kế toán

Năm tài chính của Tổng Công ty và các công ty con bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 dương lịch hàng năm.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chế độ kế toán áp dụng

Tổng Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 đã được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại thông tư 206/2009/TT-BTC ngày 27/01/2009 và thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Tổng Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

Hình thức kế toán áp dụng

Tổng Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Tổng Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản phải thu và dự phòng nợ khó đòi

Các khoản phải thu tại thời điểm báo cáo nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán đến 1 năm được phân loại là tài sản ngắn hạn.
- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm được phân loại là tài sản dài hạn.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MÃU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung (nếu có), để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên phải được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản.

Tài sản cố định thuê tài chính được trích khấu hao như TSCĐ của Tổng Công ty. Đối với TSCĐ thuê tài chính không chắc chắn sẽ được mua lại thì sẽ được tính trích khấu hao theo thời hạn thuê khi thời hạn thuê ngắn hơn thời gian sử dụng hữu ích của nó.

Chi phí xây dựng dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư chứng khoán được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua khoản đầu tư chứng khoán và được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư chứng khoán.

Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo nguyên giá trừ các khoản giảm giá đầu tư chứng khoán.

Các khoản đầu tư dài hạn khác

Các khoản đầu tư dài hạn khác bao gồm các khoản đầu tư mua cổ phần với tỷ lệ nhỏ hơn 20% vốn điều lệ của Công ty cổ phần. Các khoản đầu tư dài hạn khác được phản ánh theo giá gốc.

Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm khoản trả trước tiền thuê đất, chi phí thành lập và các khoản chi phí trả trước dài hạn khác.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MÃU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Các khoản chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Tổng Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, theo phương pháp đường thẳng trong vòng hai năm tuân các quy định kế toán hiện hành.

Vốn chủ sở hữu

Vốn chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát sinh và mệnh giá cổ phiếu phát hành lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Vốn khác của chủ sở hữu được ghi nhận theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản nhận được do biểu, tặng, sau khi trừ đi thuế phải nộp liên quan đến các tài sản này.

Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối là số lợi nhuận (hoặc lỗ) từ kết quả hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Nguyên tắc trích lập các khoản dự trữ, các quỹ từ lợi nhuận sau thuế căn cứ vào Điều lệ của Tổng Công ty và quyết định của Hội đồng thành viên.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá đã được chuyển giao cho người mua;
- Tổng Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hoá như người sở hữu hàng hoá hoặc quyền kiểm soát hàng hoá;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Tổng Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn hai điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
 - Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Tổng Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MÃU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Doanh thu hợp đồng xây dựng

Doanh thu và chi phí của hợp đồng xây dựng được ghi nhận theo hai trường hợp sau:

- Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được ước tính một cách đáng tin cậy, thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do nhà thầu tự xác định vào ngày lập Báo cáo tài chính mà không phụ thuộc vào hoá đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch đã lập hay chưa và số tiền ghi trên hoá đơn là bao nhiêu.
- Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận, thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong kỳ, được phản ánh trên hoá đơn đã lập.

Phần công việc hoàn thành của Hợp đồng xây dựng: làm cơ sở xác định doanh thu được xác định theo phương pháp tỷ lệ phần trăm (%) giữa chi phí thực tế đã phát sinh của phần công việc đã hoàn thành tại một thời điểm so với tổng chi phí dự toán của hợp đồng.

Ngoại tệ

Tổng Công ty áp dụng hướng dẫn theo CMKTVN số 10 “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái” liên quan đến các nghiệp vụ bằng ngoại tệ và đã áp dụng nhất quán trong các năm tài chính trước.

Tất cả các khoản phát sinh chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dự tiên tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán phù hợp với quy định tại thông tư số 179/2012/TT-BTC do Bộ Tài Chính ban hành ngày 24 tháng 10 năm 2012.

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Tổng Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Tổng Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp (nếu có) thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ. Thuế thu nhập doanh nghiệp được tính theo thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán là 25% tính trên thu nhập chịu thuế.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Bảng Cân đối kế toán và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại được kế toán theo phương pháp dựa trên Bảng Cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để sử dụng các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận lãi, lỗ trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Tập đoàn có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng việc điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông có tiềm năng suy giảm bao gồm trái phiếu chuyển đổi và quyền chọn cổ phiếu.

Các bên liên quan

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp kể cả Công ty Mẹ, các Công ty con của Công ty Mẹ, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát chung với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty. Những chức trách quản lý chủ chốt như Tổng Giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những Công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH VÀ BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
Tiền mặt	14.699.585.195	15.448.205.132
Tiền gửi ngân hàng	206.637.011.699	89.795.956.680
Tổng	221.336.596.894	105.244.161.812

2. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn

	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
Tiền gửi có kỳ hạn thuộc	183.050.000.000	45.100.000.000
- Văn phòng công ty mẹ	174.000.000.000	40.000.000.000
- Công ty CP Xây dựng và thương mại 423	-	2.100.000.000
- Công ty Cổ phần 482	2.050.000.000	3.000.000.000
- Công ty Đường bộ 483	4.000.000.000	-
- Công ty Đường bộ 495	3.000.000.000	-
Các khoản cho vay ngắn hạn	430.000.000	430.000.000
Dự phòng giảm giá Đầu tư ngắn hạn (*)	-	-
Cộng	183.480.000.000	45.530.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

3. Các khoản phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Quý đền bù GPMB QL1A DA Nam Bến Thủy	20.000.000.000	-
Phải thu khác	166.345.824.690	136.092.486.852
Tổng	186.345.824.690	136.092.486.852

4. Hàng tồn kho

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	67.474.575.661	104.674.029.499
Công cụ, dụng cụ	3.132.720.579	1.929.598.079
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	659.274.517.325	737.909.231.406
Thành phẩm	15.965.589	534.006.564
Hàng hoá	-	1.421.542.997
Cộng giá gốc hàng tồn kho	729.897.779.154	846.468.408.545
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-
Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho	729.897.779.154	846.468.408.545

CÔNG TY TNHH MTV TCT CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG 4

Tầng 10-11 tòa nhà ICON4, 243A Đê La Thành, Đống Đa, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MÃ SỐ B 09-DN/HN**5. Tài sản cố định hữu hình**

Đơn vị: VND

NGUYỄN GIÁ

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	TSCĐ hữu hình khác	Tổng
Số dư tại 01/01/2012	591.181.914.175	483.450.460.176	153.086.604.633	17.385.169.993	230.290.791.873	1.475.394.940.850
Tăng trong năm	60.237.092.466	127.791.296.150	38.586.997.667	3.790.919.202	23.795.335.210	254.201.640.695
Mua trong năm	17.000.000	43.401.164.497	9.429.857.911	2.495.181.544	3.743.172.804	59.086.376.756
Đầu tư XD CB hoàn thành	12.240.359.861	-	-	-	-	12.240.359.861
Tăng khác	47.979.732.605	84.390.131.653	29.157.139.756	1.295.737.658	20.052.162.406	182.874.904.078
Giảm trong năm	34.158.451.120	125.928.790.896	31.092.963.137	4.138.168.789	11.697.770.273	207.016.144.215

Chuyển sang bất động sản đầu tư

Thanh lý, nhượng bán

Giảm khác

Số dư tại 31/12/2012

GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ

Số dư tại 01/01/2012

Tăng trong năm

Khấu hao trong năm

Tăng khác

Giảm trong năm

Chuyển sang bất động sản đầu tư

Thanh lý, nhượng bán

Giảm khác

Số dư tại 31/12/2012

GIÁ TRỊ CÒN LẠI

Tại 01/01/2012

Tại 31/12/2012

CÔNG TY TNHH MTV TCT CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG 4
Tầng 10-11 tòa nhà ICON4, 243A Đê La Thành, Đống Đa, Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)
MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

6. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	TSCĐ vô hình khác	Tổng
NGUYÊN GIÁ			
Số dư tại 01/01/2012	7.006.359.371	571.428.571	7.577.787.942
Tăng trong năm	-	70.000.000	70.000.000
Mua trong năm		70.000.000	70.000.000
Giảm trong năm	-	-	-
Số dư tại 31/12/2012	7.006.359.371	641.428.571	7.647.787.942
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Số dư tại 01/01/2012	417.398.945	571.428.571	988.827.516
Tăng trong năm	-	-	-
Giảm trong năm	-	-	-
Số dư tại 31/12/2012	417.398.945	571.428.571	988.827.516
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại 01/01/2012	6.588.960.426	-	6.588.960.426
Tại 31/12/2012	6.588.960.426	70.000.000	6.658.960.426

7. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
Xây dựng cơ bản dở dang	124.336.176.959	69.484.949.774
Văn phòng Công ty mẹ	121.880.398.096	64.599.768.589
Công ty CP Xây dựng và đầu tư 492	73.427.085	854.880.123
Công ty CP Xây dựng CTGT 479	59.090.909	4.030.301.062
Công ty cổ phần 471	137.825.455	-
Công ty Cổ phần 419	811.854.514	-
Công ty Cổ phần 482	187.707.664	-
Công ty TNHH MTV QL&XD ĐB 483	59.935.273	-
Công ty TNHH MTV QL&XD ĐB 496	1.125.937.963	-
Tổng	124.336.176.959	69.484.949.774

8. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
Đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết	76.331.153.000	65.855.111.000
Đầu tư cổ phiếu	-	791.900.000
Đầu tư dài hạn khác	4.143.761.000	2.166.351.000
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn (*)	(5.385.458.500)	(33.337.710.000)
Tổng	75.089.455.500	35.475.652.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)
MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

9. Chi phí trả trước dài hạn	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	3.470.966.603	5.669.258.144
Chi phí mua bảo hiểm	-	219.525.832
Chi phí trả trước dài hạn khác	75.581.959.329	64.469.208.421
Cộng	79.052.925.932	70.357.992.397
10. Vay và nợ ngắn hạn	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Các công ty con vay	228.348.453.704	279.481.424.411
Công ty mẹ vay	465.422.847.443	402.795.414.600
Nợ dài hạn đến hạn trả	11.720.289.022	8.265.477.280
Tổng	705.491.590.169	690.542.316.291
11. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	42.305.029.689	24.486.064.894
Thuế thu nhập doanh nghiệp	34.725.346.277	10.694.119.483
Thuế thu nhập cá nhân	1.564.548.070	639.907.551
Thuế tài nguyên	860.715.059	915.233.220
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	387.345.831	546.700.900
Các loại thuế khác	1.121.602.992	700.703.856
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	77.204.839	149.062.369
Tổng	81.041.792.757	38.131.792.273
12. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	1.454.812.211	1.789.686.395
Bảo hiểm xã hội	1.687.563.352	5.424.023.899
Bảo hiểm y tế	608.001.918	452.549.587
Bảo hiểm thất nghiệp	235.466.851	220.462.829
Các khoản phải trả, phải nộp khác	109.933.580.113	26.489.752.758
Tổng	113.919.424.445	34.376.475.468



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)
MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

13. Phải trả dài hạn khác

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Nhận ký quỹ ký cược dài hạn	886.072.034	821.855.584
Nhận tiền ứng trước	36.372.055	36.372.055
Phải trả dài hạn khác	13.537.000.000	22.810.951.000
Tổng	14.459.444.089	23.669.178.639

14. Vay dài hạn và nợ dài hạn

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Vay dài hạn tại các công ty con	46.118.669.527	51.761.567.979
Vay dài hạn tại công ty mẹ	262.941.427.942	319.725.446.768
Tổng	309.060.097.469	371.487.014.747

15. Vốn chủ sở hữu

a) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Vốn góp của Nhà nước	233.593.790.861	170.599.567.207
Cộng	233.593.790.861	170.599.567.207

b) Giao dịch về vốn với các chủ sở hữu

	Năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp đầu năm	170.599.567.207	158.000.000.000
Vốn góp tăng trong năm	62.994.223.654	12.599.567.207
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp cuối năm	233.593.790.861	170.599.567.207

3992
GT
HH
TOA
THU
-TP

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)
MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

16. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Doanh thu		
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	5.180.401.331.482	3.085.805.275.606
Tổng	5.180.401.331.482	3.085.805.275.606
Các khoản giảm trừ doanh thu		
Tổng	45.537.947	-
Doanh thu thuần		
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	5.180.355.793.535	3.085.805.275.606
Tổng	5.180.355.793.535	3.085.805.275.606

17. Giá vốn hàng bán

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Giá vốn của hàng hóa, dịch vụ đã cung cấp	4.714.781.167.050	2.755.736.869.930
Cộng	4.714.781.167.050	2.755.736.869.930

18. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	8.814.900.535	27.696.113.534
Cổ tức, lợi nhuận được chia	10.716.920.000	10.321.282.350
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	234.852.619	690.223.425
Thu lãi cho vay	19.374.688.544	17.356.855.373
Doanh thu hoạt động tài chính khác	11.332.361.863	17.356.855.373
Tổng	50.473.723.561	56.064.474.682

19. Chi phí tài chính

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Chi phí lãi vay	140.128.488.649	129.961.819.435
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	247.105.362	2.527.674.229
Chi phí hoạt động tài chính khác	66.552.316.384	59.317.722.700
Tổng	206.927.910.395	191.807.216.364

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)
MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

5. Những thông tin khác

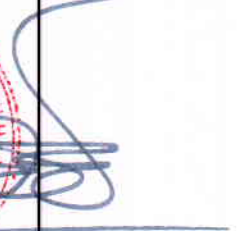
Ngoài những thông tin đã trình bày trên, trong năm Tổng Công ty không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra đòi hỏi phải trình bày hay công bố trên Báo cáo tài chính.

Hà Nội, ngày 31 tháng 05 năm 2013

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Trần Thị Thu Hà

Nguyễn Vinh Lộc

Lê Ngọc Hoa

